

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Á
T HY**

Bản án số: 05/2020/HS-ST
Ngày 18/02/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Á, T HY**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Hoàng Lương Hồng
Các Hội thẩm nhân dân:
1/ Ông: Đào Văn Thao.
2/ Ông: Nguyễn Thanh Bình
Thư ký phiên tòa : Bà Hoàng Thị Ái - Thư ký TAND huyện Á
Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Tú - KSV.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở, TAND huyện Á, T HY xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình S sơ thẩm thụ lý số: 01/2020/TLST-HS ngày 03/01/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐXXST-HS ngày 18/02/2019 đối với bị cáo:

Đoàn Xuân T sinh ngày 10/02/1994. Giới tính: Nam
Nơi sinh, hộ khẩu thường trú, nơi ở: Thôn V, xã Q, thị xã B, T Quảng Bình.
Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không.
Nghề nghiệp: Lao động tự do. Chức vụ: Không. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Đoàn Quang Tuyền sinh năm 1973.
Con bà: Mai Thị Bình sinh năm 1975 (Đã chết).
Vợ, con: Chưa có.
Tiền án:
- Ngày 22/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, T HY xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội Trộm cắp tài sản.
- Ngày 20/11/2017, Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu, T HY xử phạt 01 năm tù, tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án trước, buộc T phải chấp hành hình phạt chung là 01 năm 9 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. T chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/01/2019.
Tiền S: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/11/2019, chuyển tạm giam từ ngày 13/11/2019.
Hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an T HY.
Có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:** Anh Nguyễn Đình S, SN 1988 (có mặt)

Trú tại: C, V D, Â, HY

***Những người có QLVN liên quan:**

Anh Trần Quốc D sinh năm 1984 (có mặt)

Trú tại: Thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, T HY.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Huy Lượng, SN 2000 (có mặt)

Trú tại: Cao Trai, Vân Du, Â, HY

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng S quen biết từ trước, nên sáng ngày 03/11/2019 Đoàn Xuân T đến nhà anh Nguyễn Đình S sinh năm 1988 ở thôn Cao Trai, xã Vân Du, huyện Â, T HY chơi. T thấy anh S có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu cam đen, biển số 89B1-718.67, nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T hỏi anh S mượn xe mô tô trên, anh S đồng ý giao xe mô tô cùng chìa khóa xe. Sau khi mượn được xe mô tô T đã điều khiển xe đi đến cửa hàng "Sửa khóa Thành Công" của anh Nguyễn Văn Thành sinh năm 1978 ở thôn Nghĩa Xuyên, xã Trung Hòa, huyện Yên Mỹ, T HY nhờ anh Thành đánh thêm 01 chiếc chìa khóa xe mô tô giấu đi, để khi có cơ hội sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô này, sau đó điều khiển xe mô tô đi về trả cho anh S cùng chìa khóa gốc. Đến khoảng 08 giờ 30 phút ngày 04/11/2019, T mang theo chiếc chìa khóa xe mô tô đã đánh từ sáng hôm trước đến nhà anh S chơi, mục đích chờ anh S sơ hở sẽ trộm cắp chiếc xe mô tô của anh S. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, thấy nhà anh S đã đi ngủ trưa, T đi ra lán để xe và dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu cam đen, biển số 89B1-718.67 ra khỏi cổng khoảng 30 mét thì dùng chìa khóa xe đã đánh từ trước mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe đi tìm nơi để tiêu thụ. Trên đường đi, T mở cốp xe thấy có 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Huy Lượng và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Đình S nên giữ lại giấy đăng ký xe mô tô, còn chứng minh nhân dân T rút đi nhưng không nhớ rút ở đâu. Đến ngày 10/11/2019, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi đến khu vực gần Ủy ban nhân dân xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, T HY để bán thì gặp anh Trần Quốc D sinh năm 1984 ở thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, T HY. Anh D hỏi T là xe của ai thì T nói là xe của T và đưa đăng ký xe mô tô cùng bản sao căn cước công dân của T

cho anh D xem, anh D đồng ý mua, T viết giấy bán xe mô tô cho anh D với giá 12.700.000 đồng.

Ngày 10/11/2019, anh Nguyễn Đình S đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A. Cùng ngày, anh Trần Quốc D đã giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện A: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, Sirius sơn màu cam đen, biển số 89B1-718.67 cùng 01 chìa khóa xe mô tô; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Trần Huy Lượng; 01 giấy mua bán xe mô tô giữa Đoàn Xuân T và anh Trần Quốc D; 01 bản photo căn cước công dân mang tên Đoàn Xuân T.

Kết luận định giá số 20/KL-HĐĐG ngày 13/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện A kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu cam-đen, biển số 89B1-718.67, đăng ký lần đầu 12/9/2018, số khung 324JY177382, số máy E3X9E481434 đã qua sử dụng đến nay có giá là 13.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Đoàn Xuân T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-AT ngày 02/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Đoàn Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình S.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố: Đoàn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình S.

Xử phạt: Đoàn Xuân T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày tạm giữ 11/11/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo

Về trách nhiệm dân S: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 117, 123, 131 BLDS.

Buộc bị cáo Đoàn Xuân T phải trả lại anh Trần Quốc D số tiền 12.700.000 đồng, đối trừ với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo đã nộp cho CQCSĐT Công an huyện A, bị cáo còn phải trả cho anh D số tiền là 10.700.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bị cáo phải trả đủ số tiền 10.700.000 đồng cho anh Trần Quốc D; nếu không thi hành xong thì bị cáo phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân S tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình S:

+ Tịch thu cho tiêu huỷ: 01 chìa khóa thân bằng kim loại chuỗi nhựa màu đen có chữ Yamaha.

+ Trả cho anh Trần Quốc D số tiền 2.000.000 đồng

+ Lưu 01 giấy mua bán xe mô tô giữa Đoàn Xuân T và anh Trần Quốc D và 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đoàn Xuân T tại hồ sơ vụ án.

Về án phí : Bị cáo phải chịu án phí hình S và dân S theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa, bị cáo Đoàn Xuân T không tranh luận, nhất trí với nội dung bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A; Bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình và hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1/ *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện A và điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện A, và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình S. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2/ *Về nội dung vụ án*: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đoàn Xuân T đã thành khẩn khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản khám nghiệm hiện trường vụ án; Kết luận định giá tài sản cùng các vật chứng mà cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 04/11/2019, tại nhà anh Nguyễn Đình S ở thôn Cao Trai, xã Vân Du, huyện A, T HY, bị cáo đã có hành vi lợi dụng sơ hở, trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, sơn màu cam đen, biển số 89B1-718.67 của anh Nguyễn Đình S trị giá 13.500.000 đồng.

Bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, pháp luật nghiêm cấm nhưng do lười lao động, ham chơi bời nên mắc tệ nạn xã hội. Để có tiền tiêu sài cá nhân bị cáo đã lợi dụng lúc gia đình anh S ngủ trưa, đã trộm cắp

tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó, hành vi này phải được xử lý với hình phạt tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

3/Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và hướng xử lý đối với bị cáo: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận và thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tại phiên tòa bị hại đã xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại các điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã có 02 tiền án, đều bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử cũng về tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, ít tình tiết giảm nhẹ TNHS. Điều đó chứng tỏ hình phạt áp dụng đối với bị cáo chưa đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Vì vậy khi cân nhắc hình phạt đối với bị cáo, hội đồng xét xử nhận thấy cần bắt bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4/ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc, không có tài sản riêng. Vì vậy HĐXX xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

5/ Về trách nhiệm dân S: Quá trình điều tra, anh Nguyễn Đình S đã nhận lại chiếc mô tô mà bị cáo trộm cắp nên không có yêu cầu bồi thường. Anh Trần Quốc D yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền 12.700.000 đồng mà anh đã bỏ ra để mua xe mô tô. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng của anh D nên cần buộc bị cáo phải có nghĩa vụ trả số tiền trên cho anh D.

6/ Về vật chứng: CQĐT thu giữ của bị cáo 01 chìa khóa mà bị cáo đã đánh từ chìa khóa chính của chiếc xe mô tô của anh S, đây là công cụ phạm tội nên tịch thu cho tiêu hủy. Đối với số tiền 2.000.000 đồng là tiền bán chiếc xe mô tô, bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết 10.700.000 đồng, còn 2.000.000 đồng bị cáo giao nộp cho CQĐT, đây là số tiền do phạm tội mà có, anh D có yêu cầu bị cáo phải trả số tiền anh bỏ ra mua xe mô tô nên trả anh D số tiền này.

01 giấy mua bán xe mô tô giữa Đoàn Xuân T và anh Trần Quốc D và 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đoàn Xuân T lưu tại hồ sơ vụ án.

7/ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình S và dân S sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47, Điều 48 BLHS; điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106; 136 Bộ luật tố tụng hình S. Điều 117, 123, 131 BLDS. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

2. Xử phạt: Bị cáo Đoàn Xuân T 03 năm 06 tháng tù, thời gian tính từ ngày 11/11/2019.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân S : Buộc bị cáo phải trả lại anh Nguyễn Quốc D; trú tại: Liêu Trung, Liêu Xá, Yên Mỹ, HY số tiền 12.700.000 đồng. Đối trừ với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo nộp tại CQĐT, bị cáo còn trả tiếp anh D số tiền 10.700.000 đồng

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền bồi thường, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền bồi thường và truy thu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về vật chứng:

+ Tịch thu cho tiêu hủy: 01 chìa khóa thân bằng kim loại chuỗi nhựa màu đen có chữ Yamaha (Có đặc điểm như quyết định chuyển vật chứng)

+ Trả cho anh Trần Quốc D số tiền 2.000.000 đồng tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân S huyện Ân theo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 07/01/2020

+ Lưu 01 giấy mua bán xe mô tô giữa Đoàn Xuân T và anh Trần Quốc D và 01 bản phô tô căn cước công dân mang tên Đoàn Xuân T tại hồ sơ vụ án.

6. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình S và 535.000 đồng án phí dân S.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có QLVN liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân S. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân S.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án T
- VKS huyện + VKSND T HY;
- Công an huyện + Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; những người bị hại; người có QLVN
liên quan
- Lưu

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Lương Hồng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Viết Thắng Trần Quang Chủ

Trần Ngọc Lâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Văn Chiền Nguyễn Thanh Bình

Trần Ngọc Lâm

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Â
T H Y**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 20 phút ngày 01 tháng 3 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Â - HY.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Ngọc Lâm

**Các hội thẩm nhân dân.*

1/ Ông: Nguyễn Viết Thắng - Chủ tịch LĐLĐ huyện.

2/ Ông: Trần Quang Chủ - Cán bộ hưu thị trấn Â.

Tiến hành nghị án vụ án hình S sơ thẩm thụ lý số: 05/2019/TLST- HS ngày 24/01/2019 đối với:

* **Lê Văn Sáng** - sinh năm 1982 Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn Kim Lũ - Phù Ủng - Â - HY.

Căn cứ vào điều 299 và điều 326 Bộ luật tố tụng hình S.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA
VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1/ Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Sáng phạm tội “***Trộm cắp tài sản***”

Hội đồng xét xử đã biểu quyết 03/03=100% ý kiến nhất trí.

2/ Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52; Khoản 1 điều 38; điểm b khoản 1 điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình S. Điểm a,b khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình S. Điểm 584, 585, 589 Bộ luật dân S.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử đã biểu quyết 03/03=100% ý kiến nhất trí.

3/ Hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Sáng 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo phải đi thi hành án.

Hội đồng xét xử đã biểu quyết 03/03=100% ý kiến nhất trí.

4/ Các vấn đề khác:

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
- Về trách nhiệm dân S: Buội bị cáo phải bồi thường trả ông Phạm Văn Đam và bà Phạm Thị Hiền giá trị 07 con trống loại lai Đông Tảo trị giá: 1.850.000 đồng (**Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn**)..

- Truy thu của bị cáo số tiền trị giá 03 con gà trống, loại lai Đông Đảo là: 705.000đồng và 200.000 đồng giá trị chiếc xe mini màu xanh mà bị cáo đã bán. Tổng cộng là: 905.000 đồng(**Chín trăm linh năm nghìn đồng chẵn**).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền bồi thường, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền bồi thường và tiền truy thu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Về vật chứng: Không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình S và 300.000 đồng án phí trách nhiệm dân S.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân S thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân S. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân S.

Hội đồng xét xử đã biểu quyết 03/03=100% ý kiến nhất trí.

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 45 phút cùng ngày, biên bản đã được mọi người có tên trên thông qua và thống nhất ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

Nguyễn Viết Thắng Trần Quang Chữ

Trần Ngọc Lâm

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ÂN THI
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Â, ngày 02 tháng 4 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình S sơ thẩm số: 05/2019/TLST - HS ngày 01/3/2019, xét xử đối với bị cáo.

* **Lê Văn Sáng** - sinh năm 1982 Giới tính: Nam
Nơi cư trú: Thôn Kim Lũ - Phù Ủng - Â - HY.
Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không
Nghề nghiệp: Trồng trọt Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 9/12
Bố đẻ: Lê Văn Lượng (đã chết).
Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hoa - sinh năm 1954.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173, điểm h,s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52; Khoản 1 điều 38; điểm b khoản 1 điều 47; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình S. Điểm a,b khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình S. Điểm 584, 585, 589 Bộ luật dân S.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Sáng phạm tội “Trộm cắp tài sản”
2. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Sáng 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo phải đi thi hành án.
3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.
4. Về trách nhiệm dân S: Buội bị cáo phải bồi thường trả ông Phạm Văn Đam và bà Phạm Thị Hiền giá trị 07 con trống loại gà lai Đông Tảo trị giá: 1.850.000 đồng (**Một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn**).
Truy thu của bị cáo số tiền trị giá 03 con gà trống, loại lai Đông Đảo là: 705.000đồng và 200.000 đồng giá trị chiếc xe mini màu xanh mà bị cáo đã bán. Tổng cộng là: 905.000 đồng (**Chín trăm linh năm nghìn đồng chẵn**).
- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền bồi thường, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền bồi thường và truy thu mà người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.
5. Về vật chứng: Không đặt ra xem xét.
6. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình S và 300.000 đồng án phí trách nhiệm dân S.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Â**

T H Y

Số: /TBKQXX

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Â, ngày 01 tháng 3 năm 2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM

Kính gửi: UBND xã Phù Ủng - Â - HY.

Tại bản án hình S sơ thẩm số: /2019/TLST - HS ngày 01/3/2019, xét xử đối với bị cáo.

* **Lê Văn Sáng** - sinh năm 1982 Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn Kim Lũ - Phù Ủng - Â - HY.

Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

Nghề nghiệp: Trồng trọt Chức vụ: Không Trình độ học vấn: 9/12

Bố đẻ: Lê Văn Lượng (đã chết).

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Hoa - sinh năm 1954.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Â ĐÃ QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 điều 52; khoản 1 điều 48 Bộ luật hình S.

- Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn Sáng phạm tội “Trộm cắp tài sản”

- Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Sáng 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo phải đi thi hành án.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Nơi nhân:

- *Như kính gửi.*
- *Lưu HS*

- *Một là*, phạm tội 02 lần trở lên là người phạm tội đã thực hiện từ hai hành vi phạm tội trở lên, tác động đến cùng một đối tượng hoặc nhiều đối tượng khác nhau (ví dụ: nhiều lần trộm cắp, nhiều lần hiếp dâm...).
- *Hai là*, nếu tách ra từng hành vi phạm tội riêng lẻ thì mỗi hành vi ấy đã đủ các yếu tố cấu thành một tội phạm độc lập.
- *Ba là*, tất cả các hành vi phạm tội đó đều được quy định tại một điều luật cụ thể trong phần riêng BLHS (cùng là tội trộm cắp, hiếp dâm...), có thể cùng một khoản, cũng có thể phạm tội ở các khoản khác nhau của cùng một điều luật.
- *Bốn là*, các hành vi phạm tội đó chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình S, chưa bị các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của **pháp luật**, như: Đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án... và cùng bị đưa ra xét xử một lần trong cùng một vụ án.
- *Năm là*, nếu điều luật có quy định về giá trị tài sản hoặc thiệt hại về tài sản thì người phạm tội phải chịu trách nhiệm hình S về tổng giá trị tài sản của các lần phạm tội cộng lại.